TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ QUY NHƠN** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 834/2023/HNGĐ-ST
Ngày : 22-8-2023
"V/v Tranh chấp thay đổi người nuôi con sau ly hôn và cấp dưỡng nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa : **Ông Thân Trọng Hiền**

- Các hội thẩm nhân dân : **Ông Nguyễn Ron**

Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuý

Thư ký TA ghi biên bản phiên tòa : **Bà Trần Thị Mỹ Lệ** - CBTA.

Đại diện VKSND TP Quy Nhơn tham gia phiên tòa: ***Bà Trần Thanh Trang– Kiểm Sát Viên***

Ngày 22 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:722/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp " Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và cấp dưỡng nuôi con " theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:216/2023/QĐXX-ST, ngày 03/8/2023, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn* : Chị Trình Thị Ngọc H, sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn Q, Phước H, Tuy P, Bình Đ.

* *Bị đơn* : Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1986
Địa chỉ: 341/11 T, P. Quang Tr. TP. Q, Bình Đ

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn chị Trình Thị Ngọc H trình bày:*** Chị và anh T ly hôn theo Quyết định công nhân thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải tại toà án số:66/2022/QĐCN-TTLH, ngày 12/5/2022, chị và anh T có 01 con chung tên: Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 18/6/2021, chị là người trực tiếp nuôi con chung, sau đó chị bận công việc đột xuất, không thể chăm con được nên

chị và anh T thoả thuận giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số: 332/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân TP. Q. Sau khi giao con cho anh T nuôi dưỡng thì mỗi lần chị đến thăm con hoặc đón con về nhà chị chơi, có khi anh T cho đón, có khi không cho, nhiều lần chị gọi điện thoại cho anh T để đón con nhưng anh T không nghe máy rồi viện lý do không cho chị đón con, mỗi lần chị gặp bồng con một lúc rồi chị giao con lại cho anh T thì con không chịu theo anh T mà đòi theo chị và khóc rất nhiều. Nay công việc chị sắp xếp ổn định đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con, chị yêu cầu thay đổi chị là người trực tiếp nuôi con chung tên: Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 18/6/2021, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Bị đơn anh Nguyễn Anh T trình bày **:** Anh và chị H ly hôn theo Quyết định công nhân thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải tại toà án số:66/2022/QĐCN-TTLH, ngày 12/5/2022, anh và chị H có 01 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 18/6/2021, chị H trực tiếp nuôi con chung, sau đó chị H bận công việc đột xuất, không thể chăm con được nên anh và chị H thoả thuận giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số: 332/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân TP. Q. Từ khi giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh vẫn chăm sóc con phát triển ổn định bình thường, không có chuyện gì xảy ra, mỗi lần chị H đón con về, con hay bị đau ốm, anh và chị H thoả thuận là thứ 7 chở con đi, chủ nhật chở con giao lại cho anh nhưng chị H không thực hiện đúng sự thoả thuận đó nên sau đó anh không cho chị H đón con về nhà chị H chơi mà chỉ đến thăm con thôi. Nay chị H xin thay đổi chị H là người trực tiếp nuôi con, yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đđ/tháng là anh không đồng ý, vì lý do: Chị H có 01 con riêng đang ở với chị H, công việc của chị H thường làm ca đêm nếu giao cháu P cho chị H nuôi dưỡng là không đảm bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng con, anh trực tiếp nuôi con tôi không cần chị H cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện VKSND thành phố Q phát biểu quan điểm:

- Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, HĐXX và Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến chuẩn bị nghị án, Tòa án thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Hiện nay cháu P đang ở ổn định với cha là Nguyễn Anh T đủ điều kiện chăm nom, chăm sóc giáo dục con tốt hơn, không có chứng cứ để chứng minh anh T cản trở chị H thăm cháu P. do đó yêu cầu của

chị H không có cơ sở. Căn cứ điều 84 Luật hôn nhân và gia đình, Đề nghị HĐXX không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trình Thị Ngọc H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn có mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và cấp dưỡng nuôi con; Bị đơn đang cư trú tại 341/11 T, thuộc tổ A, KV B, P. Q, TP. Q nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Q theo quy định tại khoản 3, 5 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 84, 107, 110 Luật hôn nhân và gia đình

[3] Về nội dung tranh chấp: Chị H và anh T ly hôn theo Quyết định công nhân thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các bên tham gia hoà giải tại toà án số:66/2022/QĐCN-TTLH, ngày 12/5/2022, chị H và anh T có 01 con chung tên: Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 18/6/2021, chị H là người trực tiếp nuôi con chung sau ly hôn, đến tháng 04/2023 vì lý do chị H bận công việc đột xuất, không thể chăm con được nên chị H anh T thoả thuận giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng theo Quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự số: 332/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2023 của Tòa án nhân dân TP. Q.

Chị H cho rằng: Sau khi giao con cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không tạo điều kiện để chị thăm con và chở con về nhà chị chơi, mỗi lần chị gọi điện cho anh T để đón con nhưng anh T không nghe máy rồi viện lý do không cho chị đón con, hiện nay con còn rất nhỏ mỗi lần chị gặp bồng con một lúc rồi chị giao con lại cho anh T thì con không chịu theo anh T mà đòi theo chị và khóc rất nhiều. Nay công việc chị sắp xếp ổn định, chị làm bộ phận văn phòng, thu nhập khoản 20 đến 21 triệu đồng một tháng đảm bảo cho việc nuôi dưỡng con, chị yêu cầu thay đổi chị là người trực tiếp nuôi con chung tên: Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 18/6/2021, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng.

Anh T cho rằng : Sau khi giao con cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, anh đảm bảo việc nuôi dạy con phát triển bình thường, anh vẫn để chị H thăm và chở con về nhà chơi. Thời gian sau này, mỗi lần chị H đón con về, con hay bị đau ốm, anh và chị H có thoả thuận là thứ 7 chở con đi, chủ nhật chở con giao lại cho anh nhưng chị H không thực hiện đúng lời hứa nên sau đó anh không cho chị H đón con về nhà chị H chơi mà chỉ cho chị H đến thăm. Chị H có 01 con riêng hiện

nay đang ở với chị H, chị H thường làm ca đêm nếu giao con cho chị H nuôi dưỡng là không đảm bảo việc nuôi dạy con, nên anh không chấp nhận giao con cho chị H, và cũng không chấp nhận cấp dưỡng nuôi con.

Quá trình giải quyết vụ án: Chị H cung cấp cho Toà giấy xác nhận thông tin cư trú, Hợp đồng lao động và đơn xin xác nhận mức tiền lương và tiền phụ cấp lương của chị H khoản 20 đến 21 triệu đồng một tháng có xác nhận của Ban giám đốc công ty TNHH S. Toà tiến hành xác minh nơi cư trú và điều kiện nuôi con của chị H tại địa phương cung cấp: Hiện nay chị H có nơi cư trú ổn định, có công việc và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi con; Anh T có cung cấp cho Toà giấy xác nhận lương của anh T thời gian từ tháng 5 đến tháng 7/2023 khoản từ 8.058.654đ đến 8.324.038đ/tháng có xác nhận của giám đốc của Công ty CP Đào tạo lái xe M, tại địa chỉ: Thôn Diêm T, TT. P, huyện p, tỉnh . Toà tiến hành xác minh nơi cư trú và điều kiện nuôi con của anh T tại địa phương cung cấp: Anh T đang cư trú ổn định tại tổ 45A, KV5, P. Q, TP. Q, hiện nay anh T đang công tác tại Công ty CP Đào tạo tạo lái xe M, tại huyện p, anh T có đủ điều kiện nuôi con hay không địa phương không biết.

[4] HĐXX xét thấy:

[4.1] Vì lý do chị H bận công việc đột xuất nên chị mới giao cháu P cho ba của cháu là anh T chăm sóc trong thời gian chị Hiền bận công việc. Mặc dù anh T có nơi ở, công việc, khả năng kinh tế ổn định đủ điều kiện để chăm sóc nuôi dưỡng con. Nhưng Cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 18/6/2021, tính đến thời điểm hiện nay cháu Phước mới được 27 tháng tuổi là còn quá nhỏ nên cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Hiện nay chị H là mẹ cháu P đã sắp xếp công việc, nơi ở và thu nhập ổn định đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặc của cháu P nên HĐXX giao cháu P cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật HNGĐ.

[4.2] Theo quy định tại điều 82 Luật hôn nhân và gia đình thì cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên trong trường hợp không sống chung. Do đó chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật và khả năng kinh tế của anh T nên HĐXX chấp nhân yêu cầu của chị H.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của chị H được HĐXX chấp nhận nên anh T phải chịu án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con và án phí cấp dưỡng nuôi con, theo quy định tại Điều 26, 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ khoản 3, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 điều 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình, Điều 26, 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị Trình Thị Ngọc H.

1.2. Giao cháu Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 18/6/2021cho chị Trình Thị Ngọc H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng .

1.2. Anh Nguyễn Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng P hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 9/2023 cho đến khi cháu P tròn 18 tuổi

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản, nếu lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2- Về án phí đn sự sơ thẩm:

2.1. Anh T phải chịu 300.000đ án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con và 300.000đ án phí cáp dưỡng nuôi con

2.2. Hoàn trả cho chị Trình Thị Ngọc H 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004125 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TP Quy Nhơn.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
VKSND Tp. Quy Nhơn;
-TAND tỉnh Bình Định;
-Đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM -
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Thân Trọng Hiền

Nơi nhận:
VKSND Tp. Quy Nhơn;
-TAND tỉnh Bình Định;
-Đương sự;
-Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM -
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Văn Tài

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUY NHƠN
TỈNH BÌNH ĐỊNH

CỘNGHÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUY NHƠN

Vào hồi 10 giờ 15 phút ngày 22 tháng 8 năm 2023
Tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quy Nhơn
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa* : **Ông Thân Trọng Hiền**

- *Các hội thẩm nhân dân* : **Ông Nguyễn Ron**

:**Bà Nguyễn Thị Ngọc Thuý**

Căn cứ vào điều 264 Bộ Luật Tố Tụng Dân Sự.

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 722/2023/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp " Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn và cấp dưỡng nuôi con" giữa:

* *Nguyên đơn* : Chị Trình Thị Ngọc Hiền, sinh năm 1988
Địa chỉ: Thôn Quảng Nghiệp, Phước Hưng, Tuy Phước, Bình Định.

* *Bị đơn* : Anh Nguyễn Anh Tuấn, sinh năm 1986
Địa chỉ: 341/11 Tây Sơn, P. Quang Trung. TP. Quy Nhơn, Bình Định

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

1. Căn cứ khoản 3, 5 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 26, 27 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Biểu quyết 3/3

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con của chị Trình Thị Ngọc Hiền.

2.1 Giao cháu Nguyễn Hoàng Phước, sinh ngày 18/6/2021cho chị Trình Thị Ngọc Hiền được trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 . Anh Nguyễn Anh Tuấn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng Phước hàng tháng, mỗi tháng 2.000.000 đồng, kể từ tháng 9/2023 cho đến khi cháu Phước tròn 18 tuổi

Vì lợi ích của con khi cần thiết hai bên có quyền xin thay đổi nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được ngăn cản, nêu lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó

Biểu quyết 3/3

4- Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Tuấn phải chịu 300.000đ án phí thay đổi người trực tiếp nuôi con và 300.000đ án phí cáp dưỡng nuôi con

Hoàn trả cho chị Trình Thị Ngọc Hiền 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004125 ngày 17/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự TP Quy Nhơn.

Biểu quyết 3/3

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 22 tháng 8 năm 2023.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... giờ...phút, ngày... tháng...năm.....
Tại:[2].....
Với Hội đồng xét xử[3] …….gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)……..
.....[4]
Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số……/…../……..-……..….[5]
ngày…..tháng…..năm…..về [6]…… giữa:
Nguyên đơn.....
Bị đơn .....
Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
.....[7]

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật[8].

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU[9]

.....
.....

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày..... tháng..... năm.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Ký tên, ghi rõ họ tên)	*(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 51-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án tiến hành phiên hoà giải và lập biên bản hoà giải thành; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H). Nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh, (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh H).

(2) Ghi địa điểm nơi tiến hành phiên toà (ví dụ: Tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh N; hoặc: Tại Hội trường Uỷ ban nhân dân huyện S, thành phố H).

(3) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm thì ghi "sơ thẩm"; nếu Hội đồng xét xử phúc thẩm thì ghi "phúc thẩm".

(4) Ghi đầy đủ tên thành viên Hội đồng xét xử.

(5) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu tại cấp sơ thẩm thì ghi "TLST", nếu tại cấp phúc thẩm thì ghi "TLPT"; ô thứ tư nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(7) Ghi đầy đủ tên của các đương sự tương ứng với tư cách đương sự trong vụ án.

(8) Nếu thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi tập quán, tương tự pháp luật, những nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ, hoặc lẽ công bằng (nếu có).

(9) Ghi các ý kiến thảo luận, biểu quyết và quyết định của Hội đồng xét xử theo từng vấn đề của vụ án, nếu có ý kiến khác thì ghi rõ ý kiến của thành viên Hội đồng xét xử có ý kiến khác.

Hội thẩm nhân dân: **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Văn Thị Minh Hoà

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....(1)

Bản án số:(2)...../...../.....
Ngày:(3) .....-.....-.....
V/v tranh chấp(4).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN [5].....

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:[6]

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông (Bà)…….……..

Thẩm phán: Ông (Bà).....

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông (Bà) .....
2. Ông (Bà) .....
3. Ông (Bà) .....

- Thư ký phiên tòa: Ông (Bà)……..…….[7]

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân[8]..... *tham gia phiên toà:*

Ông (Bà).....-Kiểm sát viên.

Trong các ngày..... tháng..... năm.....[9] tại .....

xét xử sơ thẩm công khai[10] vụ án thụ lý số:...../...../TLST-.....[11] ngày.....

tháng..... năm..... về tranh chấp.....[12]

theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:...../...../QĐXX-ST ngày..... tháng..... năm..... giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:[13] .....

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:[14].....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:[15].....

2. Bị đơn: [16] .....

Người đại diện hợp pháp của bị đơn:[17] .....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn:[18] .....

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (có yêu cầu độc lập, tham gia tố tụng với bên nguyên đơn hoặc tham gia tố tụng với bên bị đơn):[19].....

Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[20].....

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:[21] .....

4. Người làm chứng[22].....

5. Người giám định:[23] .....

6. Người phiên dịch:[24].....

NỘI DUNG VỤ ÁN: [25]

.....

.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:[26]

[1].....

[2].....

[3].....

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào……[27] .....

[28].....

.....[29]

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 52-DS:

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Toà án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể về việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Toà án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội); nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về dân sự năm 2017 có số 100 thì ghi: "Số:100/2017/DS-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2017 có số 108 thì ghi: "Số:108/2017/HNGĐ-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại năm 2017 có số 110 thì ghi: "Số:110/2017/KDTM-ST"; nếu là bản án giải quyết tranh chấp về lao động năm 2017 có số 115 thì ghi: "Số:115/2017/LĐ-ST").

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi quan hệ tranh chấp mà Tòa án giải quyết: Cần xác định tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết được quy định tại Điều, khoản nào của Bộ luật tố tụng dân sự, để ghi vào phần trích yếu của bản án (ví dụ: Tranh chấp mà Tòa án thụ lý giải quyết là tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân được quy định tại khoản 1 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự thì ghi: "tranh chấp về quốc tịch Việt Nam giữa cá nhân với cá nhân").

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ tên của Thẩm phán, họ tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký phiên tòa và ghi rõ là Thư ký Tòa án hoặc Thẩm tra viên của Tòa án nào như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn tại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 7 năm 2017). Trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày thì ghi "Trong các ngày" (ví dụ: Trong các ngày 02, 03 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà liền nhau thì ghi: "Từ ngày đến ngày" (ví dụ: Từ ngày 06 đến ngày 10 tháng 3 năm 2017); nếu từ ba ngày trở lên mà không liền nhau thì ghi trong các ngày (ví dụ: Trong các ngày 07, 08 và ngày 15 tháng 3 năm 2017); nếu khác tháng mà liền nhau thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Từ ngày 31 tháng 05 đến ngày 02 tháng 6 năm 2017); nếu không liền nhau thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm 2017).

(10) Nếu xét xử kín thì thay cụm từ "công khai" bằng từ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2017/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên). Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì cần ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì cần ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: Ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thắng Lợi).
Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).
(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là Luật sư thì ghi là Luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.
(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).
(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).
(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15).
(22) Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là người chưa thành niên thì sau họ tên ghi ngày, tháng, năm sinh và họ tên người đại diện hợp pháp của người chưa thành niên).
(23) Ghi họ tên, chức danh, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(24) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).
(25) Trong phần này ghi rõ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, của cơ quan, tổ chức, cá nhân; yêu cầu phản tố, đề nghị của bị đơn; yêu cầu độc lập, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; ý kiến của Viện kiểm sát; ghi ngắn gọn, đầy đủ các tài liệu, chứng cứ, tình tiết của vụ án; ghi rõ các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết mà các bên đã thống nhất, không thống nhất; đối với các tình tiết của vụ án mà các bên không thống nhất thì phải ghi rõ lý lẽ, lập luận của từng bên đương sự.

(26) Ghi nhận định của Tòa án về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án (về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung). Tòa án phải căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa để phân tích, đánh giá, nhận định đầy đủ, khách quan về chứng cứ và những tình tiết của vụ án; phân tích, viện dẫn những căn cứ pháp luật, án lệ (nếu có) để chấp nhận hoặc không chấp nhận yêu cầu, đề nghị của đương sự; yêu cầu, đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khác (nếu có); yêu cầu, đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có); giải quyết các vấn đề khác có liên quan. Nếu vụ án thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 4 của Bộ luật tố tụng dân sự thì tùy từng trường hợp mà Tòa án phân tích, lập luận về việc áp dụng tập quán, tương tự pháp luật, nguyên tắc cơ bản của pháp luật dân sự, án lệ hoặc lẽ công bằng.

Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [ ].

(27) Tùy từng trường hợp mà ghi rõ các căn cứ pháp luật để ra quyết định.
(28) Ghi các quyết định của Tòa án về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án, về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó. Đối với trường hợp xét xử sơ thẩm lại vụ án mà bản án, quyết định đã bị hủy một phần hoặc toàn bộ theo quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm thì ghi vấn đề tài sản, nghĩa vụ đã được thi hành (nếu có) theo bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật nhưng bị hủy; trường hợp có quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự thì phải ghi rõ nội dung về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu thi hành án.
(29) Phần cuối cùng của bản án, đối với bản án được thông qua tại phòng nghị án thì phải có đầy đủ chữ ký, ghi rõ họ tên của các thành viên Hội đồng xét xử và đóng dấu (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); đối với bản án để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức, cá nhân khởi kiện và Viện kiểm sát thì ghi như sau:

Nơi nhận:
Ghi những nơi mà Toà án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 269 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)